

18

Tuần 2013

VĂN PHÒNG BAN CHỈ HUY
PCTT&TKCN TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/BC-GNTT

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 3 năm 2015



BÁO CÁO

Kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014.

Thực hiện công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/2/2015 của Tổng cục Thủy lợi về việc báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014.

Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ninh xin được báo cáo như sau:

1. Các Kế hoạch thực hiện đã phê duyệt:

- Năm 2011, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 2812/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 Phê duyệt Danh sách cán bộ tham gia đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Năm 2012, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 713/KH-UBND ngày 03/4 /2012 về hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh Quảng Ninh 2010-2015 và tầm nhìn 2020; Quyết định 2897/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 Phê duyệt Danh sách cán bộ tham gia khóa đào tạo giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2012.

- Năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 2973/KH-UBND ngày 14/6/2013 th ực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

- Năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định 1000/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 Phê duyệt danh sách các xã thí điểm thực hiện và cán bộ tham gia khóa đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh về Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

2. Kết quả 05 năm thực hiện: Như phụ lục kèm theo.

3. Đánh giá quá trình thực hiện:

a) Từ năm 2009 đến năm 2013 tỉnh chưa có kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.

Các phần việc của Hợp phần 01 (Nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền địa phương ở các cấp về quản lý, triển khai thực hiện các hoạt động QLRRTT-DVCD) như: Xây dựng các văn bản pháp luật, triển khai các hoạt động QLRRTT-DVCD ở các cấp, xây dựng các tài liệu về chính sách, cơ chế thực hiện QLRRTT-DVCD, xây dựng hệ thống đào tạo về QLRRTT-DVCD thống nhất ở các cấp...): Tỉnh đã cử 10 học viên tham gia các lớp tập huấn do Trung tâm Phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai (thuộc Tổng cục Thủy lợi) tổ chức tại Bắc Cạn và Lạng Sơn.

Hợp phần 02 (Tăng cường truyền thông giáo dục và nâng cao năng lực cho cộng đồng về QLRRTT-DVCD) bắt đầu được triển khai nhưng chưa hoàn thiện được.

b) Năm 2014, Đề án được bố trí kinh phí (do Oxfam tài trợ), đã triển khai được 02 lớp tập huấn cho cán bộ cấp xã tại 02 xã. Tại xã Húc Động huyện Bình Liêu là 10 người và xã Quảng Sơn của huyện Hải Hà là 20 người. Mục tiêu nhằm tăng cường khả năng hiểu biết chung về thiên tai và các loại hình thiên tai thường xảy ra ở địa phương. Nâng cao năng lực chủ động ứng phó với thiên tai của các cấp chính quyền và cán bộ làm công tác phòng chống, lụt bão cấp xã, nắm vững nội dung cơ bản và áp dụng thực tiễn phương châm "bốn tại chỗ" trong phòng, chống thiên tai. Qua tập huấn về quản lý RRTT-DVCD, các nhóm hỗ trợ kỹ thuật của các xã đã nắm được kiến thức cơ bản về Phòng chống thiên tai, hiểu biết về Luật Phòng chống thiên tai. Các cán bộ xã sử dụng được kết quả đánh giá RRTT-DVCD để xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai có lồng ghép với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội cho địa phương mình.

Nhìn chung trong quá trình tổ chức thực hiện các lớp tập huấn đều được Ủy ban nhân dân tỉnh, các địa phương cùng các ban ngành, đoàn thể quan tâm phối hợp nhiệt tình và luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các lớp tập huấn diễn ra đạt kết quả tốt nhất.

4. Khó khăn, vướng mắc:

a) Tổ chức:

Quá trình thực hiện Đề án cần có sự tham gia của nhiều ngành và liên quan đến nhiều lĩnh vực. Có rất nhiều công việc đòi hỏi phải có thời gian nghiên cứu và điều tra cơ bản, thu thập thông tin (đặc biệt là nội dung của Hợp phần 02 của Đề án)... vì thế nên có cơ chế riêng cho hoạt động của các thành viên tham gia thực hiện.

b) Về đầu mối:

Việc triển khai thực hiện Đề án ở cấp tỉnh được giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT là đầu mối, cùng sự phối hợp của các Sở, ngành liên quan như Chăn Trại Thú, Hội Phụ nữ ...; đối với cấp huyện, việc triển khai cũng giao cho Phòng Nông nghiệp và PTNT (hoặc phòng Kinh tế) nhưng thực tế cơ quan đầu mối chủ động thực hiện là chính. Các cơ quan được giao nhiệm vụ phối hợp không tham gia được nhiều; cấp huyện thiếu nhân lực để triển khai thực hiện.

c) Về tài chính:

Ngân sách nhà nước trong những năm qua khó khăn nên từ năm 2009-2013 không bố trí đầu tư cho Đề án được; năm 2014 có sự tài trợ của Tổ chức Oxfam nên mới có kinh phí để thực hiện tập huấn ở 02 xã của tỉnh.

d) Các vấn đề khác:

- Đội ngũ giảng viên cấp tỉnh đều là kiêm nhiệm nên không được cập nhật kiến thức một cách thường xuyên.

- Đội ngũ giảng viên cấp tỉnh qua các đợt tập huấn từ 2012 đến nay có 12 người nhưng hiện nay đã có người chuyển công tác, nghỉ hưu nên việc huy động trở lại rất khó khăn.

- Do kinh phí của tỉnh hạn chế nên Đề án chưa được thực hiện rộng rãi và đặc biệt việc triển khai tập huấn xuống các xã còn ít (toàn tỉnh có 115 xã, trong đó đến nay chỉ có 02 xã được tập huấn theo kế hoạch của Tổng cục Thủy lợi).

5. Đề xuất, kiến nghị và định hướng cho giai đoạn tiếp theo:

a) Đề xuất, kiến nghị:

- Hàng năm, Trung ương, Nhà tài trợ và các đối tác liên quan khác... thường xuyên hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" cho đến năm 2020.

b) Định hướng cho giai đoạn tiếp theo:

- Tiếp tục công tác đào tạo, tập huấn đối với đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh từ đó tiếp tục nhân rộng tới cấp huyện để địa phương tự tập huấn cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật cộng đồng cấp xã. Đề cấp xã có thể tự xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội có lồng ghép kế hoạch phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức tuyên truyền về quản lý rủi ro thiên tai tới tất cả các người dân.
- Trang bị công cụ giảng dạy cho đội ngũ giảng viên nòng cốt cấp tỉnh.
- Thiết lập hệ thống cảnh báo, truyền tin sớm về thiên tai trong cộng đồng.
- Đánh giá giám sát các hoạt động triển khai Đề án theo hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và PTNT.

Trên đây là báo cáo kết quả 05 năm thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" giai đoạn 2009-2014 của tỉnh Quảng Ninh.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- UBND tỉnh (B/C);
- Sở Nông nghiệp & PTNT (B/C);
- Trung tâm Phòng tránh và GNNT;
- Lưu: VT, PCTT.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Đình Hòa

PHỤ LỤC 6

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

(Kèm theo Công văn số 46/ CV-GNTT ngày 03/3/2015 của VP PCTT và TCKN tỉnh Quảng Ninh)
 Tỉnh: ... Quảng Ninh.....
 Cán bộ thực hiện: Phạm Đình Ngọc dtdd : 0903269368.....
 Ngày gửi báo cáo: 05-3-2015.....

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)			QĐ số 2812/QĐ-UBND ngày 05/9/2011 Phê duyệt Danh sách cán bộ tham gia đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh về QLRRTT_DVCE QĐ 713/QĐ-UBND V/v phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của tỉnh QN gđ 2010-2015 tầm nhìn 2020. Kế hoạch số 2973/KH-UBND ngày 14/6/2013 thực hiện đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCE
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có			
Chỉ số 2B	Số lượng tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 3 Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có	<Số lượng huyện đã có hệ thống thực hiện Đề án>		
	Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %	<Số lượng xã đã có hệ thống thực hiện Đề án>		
	Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tỷ lệ %			02 Hội Phụ nữ tỉnh 02 Hội Chữ Thập Đỏ tỉnh
Chỉ số 4 Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	Huyện A: Huyện B:	04	
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng	Huyện Bình Liêu Xã Húc Động	02	
	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp xã (4C)	Số lượng	Huyện Hải Hà Xã Quảng Sơn Xã B:	05	
Chỉ số 5A= 5A1/5A2*100%	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: 02 Nữ: 01		
	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD (5A1)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Số lượng	Nam: 34 Nữ: 01		
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %	70% 100%	Xã Húc Động: Xã Quảng Sơn	
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Số lượng	Nam: 8 Nữ: 4	100%	thuộc BCH quân sự tỉnh, hội Chữ thập đỏ, Hội Phụ nữ và hội Nông dân, BCH Biên phòng tỉnh, VP BCH PCIT và TKCB tỉnh
	Số lượng tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE (6A1)	Số lượng	Nam: 8 Nữ: 4		
	Tổng số tập huấn viên cấp tỉnh	Số lượng	Nam: 8		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	Tỷ lệ %	100%	Huyện A: Huyện B: Xã Húc Xã Đông Xã Quảng Xã Sơn Xã B:	10 người
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	Tỷ lệ %	100%	Huyện Hải Hà Xã Quảng Xã Sơn Xã B:	20 người
Chỉ số 6D= 6D1/6D2+100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	Số lượng	Nam: 08 Nữ: 4	100%	QĐ 2897/QĐ-LBND ngày 07/11/2012 duyệt danh sách THV cấp tỉnh tham gia khóa đào tạo THV về RRTTDVCD. QĐ 1000/QĐ-LBND ngày 20/5/2014 duyệt danh sách THV cấp tỉnh và các xã thực hiện tập huấn RRTTDVCD.
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được	Tỷ lệ %	Số lượng Nữ: 4	Huyện A: Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đào tạo về QLRRTT-DVCD				
	đào tạo về QLRRTT-DVCD				
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	40%	Huyện Bình Liêu Xã Hùng Động Xã Quảng Sơn Xã B:	4 người do tổ chức oxfam tài trợ 15 người do tổ chức oxfam tài trợ
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	60%	Huyện Bình Liêu Xã Hùng Động	6 người do tổ chức oxfam tài trợ
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng	25%	Huyện Hải Hà Xã Quảng Sơn Xã B:	5 người do tổ chức oxfam tài trợ
	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm (7A1)				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (7A2)	Số lượng	05			
Chỉ số 8A Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		Huyện A	Xã A:	
					Xã B:	
					
				Huyện B	Xã A:	
					Xã B:	
					
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diện tập hàng năm	Số lượng				
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	02	40%	Các tài liệu do Tổng cục Thủy lợi phê duyệt tại QĐ 666/QĐ-TCTL-DD ngày 22/ 8/ 2011	
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	05		Huyện Bình Liêu và Hải Hà	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 10C= $10C1/10C2*100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	02	40%	Xã Húc Động và xã Quảng Sơn, do tổ chức oxyfam tài trợ
Chỉ số 11A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	05		
Chỉ số 11B= $11B1/11B2*100$ %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	chưa		
Chỉ số 11C= $11C1/11C2*100$ %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	05		
Chỉ số 12A= $12A1/12A2*100$ %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	02	40%	Xã Húc Động và xã Quảng Sơn, do tổ chức oxyfam tài trợ
		Số lượng	05		
		Số lượng	05		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương	Số lượng xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXXH của địa phương (13A1)	Số lượng	02	40%	<i>Xã Hòa Đông và xã Quảng Sơn, do tổ chức oxyfan tài trợ</i>
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (13A2)	Số lượng	05		
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14A1)	Số lượng	02		<i>Xã Hòa Đông và xã Quảng Sơn, do tổ chức oxyfan tài trợ</i>
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14A2)	Số lượng	05		
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100 0%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ (14B1)	Số lượng	02		<i>Xã Hòa Đông và xã Quảng Sơn, do tổ chức oxyfan tài trợ</i>
		Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (14B2)	Số lượng	05		
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Xã A: Xã B:		
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Xã A: Xã B:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)												
			<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Xã A:</td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Xã B:</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> </table>	Xã A:		Xã B:								
Xã A:																	
Xã B:																	
.....																	
.....																	
Chỉ số 16A1	Số lượng tỉnh có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Đã có		<i>Văn phòng PCTT và TKCN tỉnh</i>												
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai (17A1)	Số lượng															
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Xã A:</td> <td style="width: 50%;"></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Xã B:</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td></td> </tr> </table>	Xã A:		Xã B:			
Xã A:																	
Xã B:																	
.....																	
.....																	
.....																	
.....																	
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng	Số lượng															

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung															
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)															
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng																		
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="1059 1518 1163 1648">Huyện A</td> <td data-bbox="1114 1648 1163 1760">Xã A:</td> <td data-bbox="1059 1648 1114 1760"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="1005 1648 1059 1760">Xã B:</td> <td data-bbox="1005 1648 1059 1760">.....</td> <td data-bbox="1005 1648 1059 1760"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="916 1518 1005 1648">Huyện B</td> <td data-bbox="916 1648 1005 1760">Xã A:</td> <td data-bbox="916 1648 1005 1760"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="861 1648 916 1760">Xã B:</td> <td data-bbox="861 1648 916 1760">.....</td> <td data-bbox="861 1648 916 1760"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="825 1518 861 1760">.....</td> <td data-bbox="825 1518 861 1760"></td> <td data-bbox="825 1518 861 1760"></td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		Huyện B	Xã A:		Xã B:			
				Huyện A	Xã A:															
Xã B:																			
Huyện B	Xã A:																			
Xã B:																			
.....																				
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:																	
			Nữ:																	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:																	
			Nữ:																	
	Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh	Số lượng	Nam:																	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	(22B2)		Nữ:		
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
			Nam:		
			Nữ:		
			Nam:		
			Nữ:		
			Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam:			
				Nữ:			
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam:			
				Nữ:			
			Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng		Nam:	
						Nữ:	
Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam:					
		Nữ:					
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam:				
			Nữ:				
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng					

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22D= 22D1/22D2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ: Nam: Nữ:		
Chỉ số 22E=	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm	Số lượng	Nam:		
	Số lượng giáo viên các trung tâm	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
22E1/22E2*100 %	giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22E1) Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng Nam: Nữ:	Nữ:	
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng Nam: Nữ:	Nữ:	
		Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng Nam: Nữ:	Nữ:	
		Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng Nam: Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng Nam: Nữ:	Nữ:	
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng Huyện A: Huyện B:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)												
QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	DVCD ở cấp huyện															
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr><td>Huyện A</td><td>Xã A:</td></tr> <tr><td></td><td>Xã B:</td></tr> <tr><td></td><td>...</td></tr> <tr><td>Huyện B</td><td>Xã A:</td></tr> <tr><td></td><td>Xã B:</td></tr> <tr><td></td><td>...</td></tr> </table>	Huyện A	Xã A:		Xã B:		...	Huyện B	Xã A:		Xã B:		...		
Huyện A	Xã A:																
	Xã B:																
	...																
Huyện B	Xã A:																
	Xã B:																
	...																
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100 %	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng															
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100 %	Số lượng các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa. (24A1) Tổng số các trường mầm non trên địa bàn tỉnh. (24A2)	Số lượng															
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Số lượng các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24B1) Tổng số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh (24B2)	Số lượng															
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Số lượng các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24C1) Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Số lượng															

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 24D= 24D1/24D2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
Chỉ số 24E= 24E1/24E2*100 %	Tỷ lệ các trường tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
Chỉ số 24F= 24F1/24F2*100 %	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Số lượng	Số lượng	
Chỉ số 24G= 24G1/24G2*100 %	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng	Số lượng	Số lượng	

Chi số	(1)	Thông tin cần báo cáo	(3)	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
		(2)		(4)	(5)	(6)
Chi số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng			
Chi số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng			
Chi số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng			
Chi số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNNT	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về năng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			
Chỉ số 27C= 27C1/27C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành <i>Nông nghiệp và PTNT</i>)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành <i>Nông nghiệp và PTNT</i>) (27C1)	Số lượng		
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành <i>Nông nghiệp và PTNT</i>) (27C2)	Số lượng		
Chỉ số 27D= 27D1/27D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành <i>GD-ĐT</i>)	Kinh phí từ nguồn vốn ngân sách đã được giải ngân hàng năm của tỉnh (ngành <i>GD-ĐT</i>) (27D1)	Số lượng		
		Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành <i>GD-ĐT</i>) (27D2)	Số lượng		
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành <i>Nông nghiệp và PTNT</i>)	Tỷ lệ %			
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành <i>Nông nghiệp và PTNT</i>)	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm	Tỷ lệ %		
	Huyện A: Huyện B:				
	Huyện A: Huyện B:				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)			
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)			
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
				Xã A: Xã B:	
				Huyện B Xã A: Xã B:	
				
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %			
Chỉ số 29C=29C1/29C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			
Chỉ số 29D=29D1/29D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)										
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (29D2)	Số lượng													
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:											
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:											
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %		<table border="1"> <tr> <td data-bbox="935 1167 991 1391" rowspan="3">Huyện A</td> <td data-bbox="991 1167 1046 1391">Xã A:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1046 1167 1102 1391">Xã B:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1102 1167 1158 1391">....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="935 1167 991 1391" rowspan="3">Huyện B</td> <td data-bbox="991 1167 1046 1391">Xã A:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1046 1167 1102 1391">Xã B:</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1102 1167 1158 1391">....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="1158 1167 1214 1391">.....</td> <td data-bbox="1214 1167 1270 1391">.....</td> </tr> </table>	Huyện A	Xã A:	Xã B:	Huyện B	Xã A:	Xã B:	
Huyện A	Xã A:														
	Xã B:														
														
Huyện B	Xã A:														
	Xã B:														
														
.....														

